

Bản án số 470/2022/HS-PT
Ngày 22 tháng 11 năm 2022

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Đặng Kim Nhân

Các Thẩm phán: ông Nguyễn Văn Tào, ông Trần Quốc Cường

- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: ông Phạm Văn Phong – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa: ông Nguyễn Nam Anh - Kiểm sát viên cao cấp.

Ngày 22 tháng 11 năm 2022, Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng xét xử phúc thẩm theo hình thức trực tuyến tại điểm cầu trung tâm trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng kết nối điểm cầu trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk vụ án hình sự thụ lý số 77/2022/TLPT-HS ngày 29/7/2022 đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 86/2022/HS-ST ngày 06/9/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk bị kháng cáo. Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 36/2022/QĐXXPT-HS ngày 26/10/2022 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng, đối với:

Bị cáo: **Phạm Chí T**, sinh năm 1993, tại tỉnh Đắk Lắk; Nơi cư trú: Thôn 3, xã C, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk; Nghề nghiệp: Làm nông; Trình độ học vấn: 9/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Thiên Chúa; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Phạm Hùng Th và bà Phạm Thị Bích T1, cùng sinh năm 1963; Tiền sự: Không;

Tiền án:

Tại Bản án số 113/2018/HS-PT ngày 29/3/2018, Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk xử phạt 01 năm 06 tháng tù về “Tội trộm cắp tài sản”.

Tại Bản án số 106/2018/HS-ST ngày 27/4/2018, Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Đắk Lắk xử phạt 09 tháng tù về “Tội trộm cắp tài sản”, tổng hợp hình phạt buộc bị cáo T phải chấp hành hình phạt chung của hai bản án là 02 năm 03 tháng tù, ngày 21/12/2019 bị cáo T chấp hành xong hình phạt tù.

Nhân thân: Ngày 01/11/2010 bị Công an phường T2, thành phố B tỉnh Đắk Lắk ban hành Quyết định xử phạt vi phạm hành chính về hành vi “Trộm cắp tài sản” phạt số tiền 750.000 đồng.

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 15/10/2021 đến nay, hiện đang tạm giam, có mặt tại phiên tòa.

- Người bào chữa chỉ định cho bị cáo: Luật sư Võ Đình D, thuộc Văn phòng Luật sư Đ, Đoàn Luật sư tỉnh Đắk Lắk; địa chỉ: 207 đường N, phường T3, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk, có mặt.

- Bị hại:

1. Bà Nguyễn Thị Đ1, sinh năm 1972; địa chỉ: 316 đường P, tổ dân phố 1, phường T4, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk, vắng mặt.
2. Bà Hồ Phạm Minh C1, sinh năm 1986; địa chỉ: 50 đường T5, phường T2, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk, vắng mặt.
3. Bà Nguyễn Thị Bích T6, sinh năm 1987; địa chỉ: 05 đường C2, phường T7, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk, vắng mặt.
4. Ông Phan Văn H2, sinh năm 1988; địa chỉ: Thôn 2, thị trấn B1, huyện K, tỉnh Đắk Lắk, vắng mặt.
5. Ông Nguyễn Sĩ T8, sinh năm 1985; địa chỉ: 18 đường N2, phường T3, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk, vắng mặt.
6. Bà Ngô Thị Thu D, sinh năm 1992; địa chỉ: 343 đường T9, phường T10, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk, vắng mặt.
7. Ông Nguyễn Minh T11, sinh năm 1975; địa chỉ: 48 Đường N1, phường T3, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trong khoảng thời gian từ tháng 10/2020 đến tháng 10/2021, Phạm Chí T đã thực hiện 07 vụ trộm cắp tài sản trên địa bàn thành phố B, tỉnh Đắk Lắk, cụ thể:

Vụ thứ nhất: Chiều ngày 26/11/2020, với ý định đi trộm cắp tài sản, Phạm Chí T điều khiển xe mô tô hiệu Yamaha Jupiter, biển kiểm soát 47G1-702.02 (biển kiểm soát giả) chạy dọc các tuyến đường trên địa bàn thành phố B để tìm xe ô tô đậu, đỗ dọc đường, không có chủ xe, không có người trông coi, quên khóa cửa xe, thì T đến gần rồi lén lút mở cửa xe để trộm cắp tài sản. Đến khoảng 19 giờ cùng ngày, T phát hiện xe ô tô nhãn hiệu Lexus NX300, biển kiểm soát 47A-269.79 của bà Nguyễn Thị Đ1 đang đậu bên lề đường trước quán Dê tươi X đường N3, phường T3, thành phố B. T thấy đèn trong xe sáng và gương chiếu hậu của xe chưa gấp lại nên T biết chủ xe ô tô chưa khóa cửa xe và không có người trong xe, nên T đã mở cửa xe phía sau bên tài lấy trộm 01 túi xách nhãn hiệu LV90, size 36, màu nâu, viền đỏ, dây quai kim loại dạng xích màu vàng rồi điều khiển xe mô tô đi đến hoa viên cạnh ngã 3 đường L1 và đường N3 thì dừng xe. Lúc này, T mở túi xách vừa trộm cắp được phát hiện bên trong có số tiền 300.000.000 đồng; 01 lắc tay bằng vàng (loại vàng trắng) có gắn hạt kim cương; 01 nhẫn vàng có đính đá; cùng một số loại giấy tờ khác. T lấy toàn bộ tiền mặt cùng số vàng trên cất vào cốp xe, sau đó điều khiển xe đi đến đoạn gần ngã tư đường TĐT và đường HMT rút túi xách vừa trộm được vào bãi đất trống rồi đi về nhà. Khoảng tháng 02/2021, T mang chiếc lắc vàng trắng có gắn hạt kim cương và chiếc nhẫn vàng gắn đá trộm được đến bán tại tiệm vàng KM thuộc phường TN, thành phố B. Tiệm vàng KM không mua chiếc lắc đeo tay bằng vàng trắng có gắn hạt kim cương, chỉ mua lại chiếc nhẫn gắn đá với giá 9.000.000 đồng nên trên đường đi về T đã vứt bỏ chiếc lắc đeo tay vàng trắng tại khu vực lề đường 10/3 thuộc thành phố B. Quá trình điều tra xác định T đã trộm cắp của bà Đ1 tổng số tiền và tài sản trị giá 650.240.000 đồng.

Vụ thứ hai: Khoảng 19 giờ ngày 30/10/2020, bằng phương thức thủ đoạn như trên, Phạm Chí T điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Yamaha, biển kiểm soát 47G1-702.02 (biển kiểm soát giả) đi dọc các tuyến đường thuộc thành phố B để trộm cắp tài sản. Khi đến trước số nhà 52 đường TQK, phường T2, thành phố B thấy xe ô tô nhãn hiệu Mazda 2, biển kiểm soát 47A-207.36 của bà Hồ Phạm Minh C1 đậu trước nhà quên không khóa cửa xe ô tô, nên T đã lén lút mở cửa xe ô tô lấy trộm số tiền 6.000.000 đồng đựng trong ví.

Vụ thứ ba: Khoảng 19 giờ 20 phút ngày 23/11/2020, Phạm Chí T điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Jupiter, biển kiểm soát 47G1-702.02 (biển kiểm soát giả) đi trộm cắp tài sản. Khi đến địa chỉ số 43-45 đường TND, phường T7, thành phố B thấy xe ô tô nhãn hiệu Hyundai Accent 2018, biển kiểm soát 47A-239.09 của chị Nguyễn Thị Bích T6 đậu bên đường, quên không khóa cửa xe ô tô. T mở cửa xe ô tô lấy trộm được 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone XR, màu đỏ. Sau đó T bán cho Lê Đình Quốc S1 với giá 3.000.000 đồng.

Vụ thứ tư: Khoảng 19 giờ ngày 25/9/2021, Phạm Chí T điều khiển xe mô tô Yamaha Jupiter, biển kiểm soát 47H1-302.32 (biển kiểm soát giả) đi trộm cắp tài sản. Khi đến trước số nhà 34 đường Đường N1, phường T3, thành phố B, T thấy xe ô tô nhãn hiệu Kia K3, biển kiểm soát 47A-145.04, màu trắng của ông Phan Văn H2 không khóa cửa xe, không có người trông coi nên T đã mở cửa xe lấy trộm 01 máy tính xách tay nhãn hiệu Microsoft surface laptop 3, màu bạc. Sau đó T bán máy tính này cho Lê Đình Quốc S1 với giá 14.000.000 đồng.

Vụ thứ năm: Khoảng 20 giờ ngày 08/10/2021, Phạm Chí T điều khiển xe mô tô Yamaha Jupiter, biển kiểm soát 47H1-302.32 (biển kiểm soát giả) đi trộm cắp tài sản. Khi đến trước số nhà 18 đường N2, phường T3, thành phố B, T thấy xe ô tô nhãn hiệu Audi, màu đen, biển kiểm soát 48H-9999 của anh Nguyễn Sĩ T8 đậu bên đường không khóa cửa xe và không có người trông coi nên T đã mở cửa xe ô tô lấy trộm 01 Ipad 11 Pro màu đen; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Z Fold 3, màu xanh. Số tài sản trộm cắp được T bán cho Lê Đình Quốc S1 với tổng số tiền 40.000.000 đồng.

Vụ thứ sáu: Khoảng 19 giờ 30 phút, ngày 08/10/2021, T điều khiển xe mô tô đi trộm cắp tài sản. Khi đến trước nhà số 343 đường T9, phường T10, thành phố B thì phát hiện thấy xe ô tô nhãn hiệu Hyundai I10, màu đỏ, biển kiểm soát 47A-40.521 của chị Ngô Thị Thu D đậu trước cửa nhà, không khóa cửa xe nên T đã mở cửa xe ô tô lấy trộm được số tiền 200.000 đồng.

Vụ thứ bảy: Ngày 21/11/2020, Phạm Chí T điều khiển xe mô tô ngang qua số nhà 48 đường Đường N1, phường T3, thành phố B thì phát hiện thấy xe ô tô nhãn hiệu Honda CRV, màu xám, biển kiểm soát 47A-35.008 của ông Nguyễn Minh T11 đậu trước cửa nhà quên không khóa cửa xe, nên T đã mở cửa xe lấy trộm 02 cây thuốc lá nhãn hiệu 555 do Việt Nam sản xuất và số tiền 500.000 đồng.

Tổng trị giá tài sản Phạm Chí T là 750.340.000 đồng. Những người bị hại gồm Nguyễn Thị Bích T6, Phan Văn H2, Nguyễn Sĩ T8, Ngô Thị Thu D, Nguyễn Minh T11 và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Lê Đình Quốc S1, Lý Đường T12, Phùng Phúc V1 không yêu cầu bị cáo Phạm Chí T bồi thường về dân sự. Bị hại (bà Nguyễn Thị Đ1) yêu cầu T bồi thường tổng số tiền 823.740.000

đồng, bị hại bà Hồ Phạm Minh C1 yêu cầu T bồi thường 6.000.000 đồng, T chưa bồi thường theo yêu cầu của các bị hại.

Tại bản án hình sự sơ thẩm số 86/2022/HS-ST ngày 06/9/2022, Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk quyết định:

[1]. Tuyên bố: Bị cáo Phạm Chí T phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

[2]. Về điều luật áp dụng và mức hình phạt:

Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g, h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự;

Xử phạt bị cáo Phạm Chí T 17 (Mười bảy) năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bị bắt tạm giữ, tạm giam, ngày 15/10/2021.

[3] Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 46, Điều 48 Bộ luật hình sự; Điều 585, Điều 589 Bộ luật dân sự:

Buộc bị cáo Phạm Chí T phải có nghĩa vụ bồi thường cho bị hại bà Nguyễn Thị Đ1 số tiền 650.240.000 đồng tương đương giá trị tài sản bị cáo trộm cắp của bà Nguyễn Thị Đ1.

Buộc bị cáo Phạm Chí T phải có nghĩa vụ bồi thường cho bị hại bà Hồ Phạm Minh C1 số tiền 6.000.000 đồng.

Những người bị hại gồm Nguyễn Thị Bích T6, Phan Văn H2, Nguyễn Sĩ T8, Ngô Thị Thu D, Nguyễn Minh T11 và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan gồm Lê Đình Quốc S1, Lý Đường T12, Phùng Phúc V1 không yêu cầu bị cáo Phạm Chí T bồi thường về dân sự nên không xem xét, giải quyết.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

[5] Về án phí: Áp dụng Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án: Bị cáo Phạm Chí T phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và 30.249.600 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Bản án sơ thẩm còn có quyết định về xử lý vật chứng.

- Ngày 12/9/2022, bị cáo Phạm Chí T kháng cáo cho rằng mức hình phạt 17 năm tù mà Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo là quá nặng, đề nghị cấp phúc thẩm xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Bị cáo T giữ nguyên kháng cáo, đồng thời trình bày bị cáo đã nhận tin về gia đình động viên cha mẹ bồi thường thiệt hại cho các bị hại và cha mẹ bị cáo đã nộp đầy đủ án phí hình sự, dân sự sơ thẩm và bồi thường cho nhiều bị hại nên đề nghị Hội đồng xét xử xét giảm nhẹ hình phạt để bị cáo sớm trở về phụng dưỡng cha mẹ.

- Bà Phạm Thị Bích T1 (mẹ đẻ bị cáo T) xuất trình các hóa đơn, chứng từ về việc bà đã nộp án phí, bồi thường cho các bị hại và các đơn bãi nại của các bị hại đề nghị Tòa án giảm hình phạt cho bị cáo T.

- Đại diện Viện kiểm sát phát biểu:

+ Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến phiên tòa phúc thẩm hôm nay, Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng, Thẩm phán, Thư ký Tòa án

thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự; Bị cáo chấp hành nghiêm chỉnh nội quy phiên tòa và thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ khi tham gia tố tụng.

+ Về nội dung: Bị cáo phạm tội tái phạm, có nhân thân xấu nên đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, tranh tụng công khai tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay, bị cáo Phạm Chí T thừa nhận có hành vi phạm tội như bản án sơ thẩm xác định là trong khoảng thời gian từ tháng 10/2020 đến tháng 10/2021, bị cáo T đã thực hiện 07 vụ trộm cắp tài sản trên địa bàn thành phố B, tỉnh Đắk Lắk với tổng trị giá tài sản trộm cắp là **750.340.000 đồng**, cụ thể: Trộm cắp của bà Nguyễn Thị Đ1 300.000.000 đồng, 01 lắc tay vàng trắng đính kim cương trị giá 338.680.000 đồng, 01 chiếc nhẫn vàng trị giá 11.560.000 đồng, tổng tài sản trộm cắp của bà Đ1 là 650.240.000 đồng; trộm cắp của bà Hồ Phạm Minh C1 6.000.000 đồng; trộm cắp của bà Nguyễn Thị Bích T6 01 điện thoại di động hiệu Iphone XR trị giá 10.000.000 đồng; trộm cắp của ông Phan Văn H2 01 chiếc máy tính xách tay nhãn hiệu Microsoft Surface trị giá 28.300.000 đồng; trộm cắp của ông Nguyễn Sĩ T8 01 chiếc máy tính bảng nhãn hiệu Apple Ipad 11Pro 11 inch trị giá 19.500.000 đồng và 01 điện thoại di động hiệu Samsung Galaxy Z Fold 3 5G trị giá 35.000.000 đồng; trộm cắp của bà Ngô Thị Thu D 200.000 đồng; trộm cắp của ông Nguyễn Minh T11 500.000 đồng và 02 cây thuốc lá 555 trị giá 600.000 đồng. Vì T có hành vi phạm tội như trên nên Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm xét thấy Tòa án cấp sơ thẩm tuyên bố Phạm Chí T phạm “Tội trộm cắp tài sản” theo điểm a khoản 4 Điều 173 Bộ luật hình sự “*Chiếm đoạt tài sản trị giá 500.000.000 đồng trở lên*” là đúng người, đúng tội, đúng khung hình phạt.

[2] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Bị cáo T thực hiện 07 vụ trộm cắp tài sản, trong đó có 05 vụ trộm cắp tài sản có giá trị từ 2.000.000 đồng trở lên; bị cáo T có 01 tiền án về “*Tội trộm cắp tài sản*” chưa được xóa án tích lại phạm tội nên Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại các điểm g, h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự (“*Phạm tội 02 lần trở lên*” và “*Tái phạm*”) là có căn cứ, đúng pháp luật.

Bị cáo T thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình nên Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự (“*Thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải*”) là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3] Về quyết định hình phạt:

Bị cáo T phạm vào “Tội trộm cắp tài sản” quy định tại điểm a khoản 4 Điều 173 Bộ luật hình sự “*Chiếm đoạt tài sản trị giá 500.000.000 đồng trở lên*” có mức hình phạt tù từ 12 năm đến 20 năm. Tài sản bị cáo T chiếm đoạt có tổng trị giá **750.340.000 đồng**; bị cáo phạm tội với 2 tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, 01 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự nên mức hình phạt 17 năm tù mà Tòa án

cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo là phù hợp với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo.

Tuy nhiên, sau khi xét xử sơ thẩm, bị cáo T thực sự ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình nên đã vận động và bà Phạm Thị Bích T1 (mẹ bị cáo T) đã: Nộp tại Cục thi hành án dân sự tỉnh Đắk Lắk 30.449.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm và 50.000.000 đồng để bồi thường thiệt hại cho bị hại Nguyễn Thị Đ1; - trả bị hại Hồ Phạm Minh C1 số tiền 6.000.000 đồng theo quyết định của bản án sơ thẩm (có xác nhận của Công an phường T2, thành phố B); trả các bị hại (mặc dù các bị hại này chưa yêu cầu Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết) được Công an phường xác nhận, gồm trả bị hại Nguyễn Thị Bích T 6 5.000.000 đồng, trả bị hại Nguyễn Minh T11 600.000 đồng, trả bị hại Ngô Thị Thu D 200.000 đồng; do đó, nên các bị hại Nguyễn Thị Đ1, Nguyễn Thị Bích T6, Nguyễn Minh T11 và Ngô Thị Thu D đều có Đơn đề nghị cấp phúc thẩm giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo T; vì các lý do trên, Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm xét cần giảm cho bị cáo T một phần hình phạt để thể hiện chính sách khoan hồng của Đảng, pháp luật của Nhà nước.

[4] Quyết định còn lại của bản án sơ thẩm về xử lý vật chứng đã có hiệu lực pháp luật. Bị cáo T kháng cáo được chấp nhận nên không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355, Điều 357 Bộ luật tố tụng hình sự chấp nhận kháng cáo của bị cáo Phạm Chí T, sửa bản án hình sự sơ thẩm số 86/2022/HS-ST ngày 06/9/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk, cụ thể:

Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g, h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo Phạm Chí T 15 (mười lăm) năm 06 (sáu) tháng tù về “Tội trộm cắp tài sản” thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt tạm giữ, tạm giam (ngày 15/10/2021).

Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 46, Điều 48 Bộ luật hình sự; Điều 585, Điều 589 Bộ luật dân sự:

+ Buộc bị cáo Phạm Chí T có nghĩa vụ bồi thường cho bị hại bà Nguyễn Thị Đ1 650.240.000 đồng, khấu trừ vào số tiền 50.000.000 đồng đã bồi thường theo Biên lai thu số 0006398 ngày 17/11/2022 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Đắk Lắk thì bị cáo T còn phải tiếp tục bồi thường cho bị hại bà Nguyễn Thị Đ1 600.240.000 đồng.

+ Buộc bị cáo Phạm Chí T có nghĩa vụ bồi thường cho bị hại bà Hồ Phạm Minh C1 số tiền 6.000.000 đồng (đã bồi thường xong).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Áp dụng Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và

sử dụng án phí, lệ phí Tòa án buộc bị cáo Phạm Chí T phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và 30.249.600 đồng án phí dân sự sơ thẩm (đã nộp xong theo Biên lai thu số 0006399 ngày 17/11/2022 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Đắk Lắk).

Quyết định còn lại về xử lý vật chứng đã có hiệu lực pháp luật.

Bị cáo Phạm Chí T không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Vụ Giám đốc kiểm tra I - TANDTC;
- VKSND cấp cao tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- Trại tạm giam Công an tỉnh Đắk Lắk;
- Phòng HSNV-Công an tỉnh Đắk Lắk;
- Cục Thi hành án dân sự tỉnh Đắk Lắk;
- Các bị cáo;
- Lưu: Phòng lưu trữ; Hồ sơ vụ án.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Đặng Kim Nhân